TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH AN GIANG

Số: 1819 /CT-NVDTPC
V/v triển khai thực hiện Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 26 tháng 11 năm 2020

Kính gửi:
- Văn phòng và các Phòng thuộc Cục Thuế;
- Các Chi cục Thuế thành phố, khu vực.

Ngày 19/10/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2020.

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gồm 9 Chương, 44 Điều quy định về các nội dung khai thuế, tính thuế; ấn định thuế; thời hạn nộp thuế, trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; hoàn thuế, khoanh tiền thuế nợ, xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; trách nhiệm cung cấp thông tin, công khai thông tin người nộp thuế và trách nhiệm của ngân hàng thương mại; cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế. Ngoài ra, Nghị định còn có một số vấn đề khác được Chính phủ giao như uỷ nhiệm thu, mua thông tin dữ liệu phục vụ công tác quản lý thuế và cơ chế thoả thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Để tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Cục Thuế yêu cầu các Phòng, Chi cục Thuế triển khai thực hiện các công việc sau:

1. Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế tổ chức tốt tuyên truyền phổ biến Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; đăng tải nội dung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP trên trang web điện tử của ngành Thuế giúp cho tổ chức, cá nhân nắm bắt thông suốt và thực hiện đúng các quy định theo hướng dẫn tại Nghị định này.

2. Các Phòng, Chi cục Thuế thường xuyên thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tập huấn phổ biến kịp thời nội dung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP cho người nộp thuế, cán bộ, công chức thuế nắm bắt thông suốt và thực hiện đúng các quy định khi Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/12/2020.

(Đính kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cục Thuế hướng dẫn các Phòng, các Chi cục Thuế được biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- BLĐ Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC.(22b)

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THUẾ TỈNH AN GIANG
TỔNG CỤC THUẾ

Trần Văn Phước

Phụ lục

TỔNG HỢP
CÁC ĐIỂM MỚI TRONG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2020/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

(Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2020)

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gồm 9 Chương, 44 Điều quy định về các nội dung khai thuế, tính thuế; ấn định thuế; thời hạn nộp thuế, trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; hoàn thuế, khoanh tiền thuế nợ, xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; trách nhiệm cung cấp thông tin, công khai thông tin người nộp thuế và trách nhiệm của ngân hàng thương mại; cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế. Ngoài ra, Nghị định còn có một số vấn đề khác được Chính phủ giao như uỷ nhiệm thu, mua thông tin dữ liệu phục vụ công tác quản lý thuế và cơ chế thoả thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế đối với DN có giao dịch liên kết.

Tổng hợp các điểm mới Nghị định số 126/2020/NĐ-CP:

1. Cách xác định kê khai thuế GTGT, thuế TNCN theo quý

Nghị định quy định rõ, người nộp thuế tự xác định thuộc đối tượng khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế theo quy định.

Cụ thể, người nộp thuế đáp ứng tiêu chí khai thuế theo quý được lựa chọn khai thuế theo tháng hoặc quý ổn định trọn năm dương lịch.

Đối với trường hợp người nộp thuế đang thực hiện khai thuế theo tháng nếu đủ điều kiện khai thuế theo quý và lựa chọn chuyển sang khai thuế theo quý thì gửi văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 31 tháng 01 của năm bắt đầu khai thuế theo quý. Nếu sau thời hạn này người nộp thuế không gửi văn bản đến cơ quan thuế thì người nộp thuế tiếp tục thực hiện khai thuế theo tháng ổn định trọn năm dương lịch.

Với trường hợp người nộp thuế tự phát hiện không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo. Người nộp thuế không phải nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó nhưng phải nộp Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý và phải tính tiền chậm nộp theo quy định.

Trường hợp cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì cơ quan thuế phải xác định lại số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số người nộp thuế đã kê khai và phải tính tiền chậm nộp theo quy định. Người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ thời điểm nhận được văn bản của cơ quan thuế.

2. Các trường hợp được khai thuế GTGT, thuế TNCN theo quý

Người nộp thuế thuộc diện khai thuế GTGT theo quý áp dụng đối với các trường hợp sau:

Một là, người nộp thuế thuộc diện khai thuế GTGT theo tháng nếu có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống thì được khai thuế GTGT theo quý. Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được xác định là tổng doanh thu trên các tờ khai thuế GTGT của các kỳ tính thuế trong năm dương lịch.

Trường hợp người nộp thuế thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thì doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm cả doanh thu của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh.

Hai là, trường hợp người nộp thuế mới bắt đầu hoạt động, kinh doanh thì được lựa chọn khai thuế GTGT theo quý. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch liền kề tiếp theo năm đã đủ 12 tháng sẽ căn cứ theo mức doanh thu của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế GTGT theo kỳ tính thuế tháng hoặc quý.

Người nộp thuế thuộc diện khai thuế TNCN theo tháng nếu đủ điều kiện khai thuế GTGT theo quý thì được lựa chọn khai thuế TNCN theo quý. Việc khai thuế theo quý được xác định một lần kể từ quý đầu tiên phát sinh nghĩa vụ khai thuế và được áp dụng ổn định trong cả năm dương lịch.

3. Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP đã nêu rõ quy định về khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, Nghị định quy định, người nộp thuế phải khai quyết toán năm và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đến thời điểm giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng hoặc tổ chức lại doanh nghiệp.

Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa) mà doanh nghiệp chuyển đổi kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp được chuyển đổi thì không phải khai quyết toán thuế TNDN đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp, doanh nghiệp khai quyết toán khi kết thúc năm.

Người nộp thuế phải tự xác định số thuế TNDN tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế TNDN cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Người nộp thuế thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.

Người nộp thuế không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.

4. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm.

Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 03 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 03 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện tạm nộp thuế TNDN theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được.

Trường hợp chưa bàn giao cơ sở hạ tầng, nhà và chưa tính vào doanh thu tính thuế TNDN trong năm thì người nộp thuế không tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm mà tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN khi bàn giao bất động sản đối với từng phần hoặc toàn bộ dự án.

5. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế trong thời gian tạm ngừng hoạt động, kinh doanh

Theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh không trọn tháng, quý, năm dương lịch hoặc năm tài chính thì vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế tháng, quý; hồ sơ quyết toán năm.

Tiếp theo, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán tạm ngừng hoạt động, kinh doanh được cơ quan thuế xác định lại nghĩa vụ thuế khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Bên cạnh đó, người nộp thuế không được sử dụng hóa đơn và không phải nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn. Trường hợp người nộp thuế được cơ quan thuế chấp thuận sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn thì phải nộp hồ sơ khai thuế, nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quy định.

Cần lưu ý, người nộp thuế phải chấp hành các quyết định, thông báo của cơ quan quản lý thuế về đôn đốc thu nợ, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế và xử lý hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế.

6. Các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế

Theo đó, tại Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế trong 05 trường hợp sau đây:

- Người nộp thuế chỉ có hoạt động, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với từng loại thuế;

- Cá nhân có thu nhập được miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 79 Luật Quản lý thuế trừ cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản; chuyển nhượng bất động sản;

- Doanh nghiệp chế xuất chỉ có hoạt động xuất khẩu thì không phải nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng;

- Người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP;

- Người nộp thuế nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng, tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của khoản 4 Điều 44 Luật Quản lý thuế.

7. Các trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo nộp thuế

a) Trường hợp cơ quan thuế tính thuế, thông báo số tiền thuế phải nộp theo hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, đối với các trường hợp cụ thể như sau:

- Thuế thu nhập cá nhân từ nhận thừa kế, quà tặng (trừ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân (trừ trường hợp khai tổng hợp, người nộp thuế phải tự xác định số thuế phải nộp tăng thêm do khai tổng hợp và nộp tiền vào ngân sách nhà nước).

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân.

- Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán.

- Tiền thuê đất, thuê mặt nước áp dụng đối với trường hợp chưa có quyết định cho thuê, hợp đồng cho thuê đất (trừ tiền thuê đất, thuê mặt nước phát sinh trong khu kinh tế, khu công nghệ cao).

- Lệ phí môn bài đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai.

- Lệ phí trước bạ (trừ nhà, đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

-Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm đ.2, đ.3 khoản 7 Điều 11 Nghị định này).

b) Trường hợp cơ quan thuế tính thuế, thông báo số tiền thuế phải nộp theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chuyển đến, cụ thể như sau:

- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm đ.1 khoản 7 Điều 11 Nghị định này) và lệ phí trước bạ nhà, đất.

-Tiền sử dụng đất (trừ tiền sử dụng đất phát sinh trong khu kinh tế, khu công nghệ cao).

- Tiền thuê đất, thuê mặt nước (trừ tiền thuê đất, thuê mặt nước phát sinh trong khu kinh tế, khu công nghệ cao).

c) Trường hợp cơ quan thuế thông báo số tiền thuế phải nộp theo văn bản tính thuế của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chuyển đến, cụ thể như sau:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Tiền sử dụng khu vực biển.

8. Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tại các tỉnh khác nơi doanh nghiệp có trụ sở chính, mà các hoạt động này được hạch toán tập trung tại trụ sở chính, thì phải kê khai thuế tập trung tại trụ sở chính, đồng thời phân bổ số thuế phải nộp tại các tỉnh có hoạt động kinh doanh.

Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế có hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này) tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính. Đồng thời, người nộp thuế phải nộp Bảng phân bổ số thuế phải nộp (nếu có) theo từng địa bàn cấp tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính, trừ một số trường hợp sau đây không phải nộp Bảng phân bổ số thuế phải nộp:

a) Thuế giá trị gia tăng của hoạt động kinh doanh vận tải của người nộp thuế mà các tuyến đường vận tải đi qua địa bàn các tỉnh khác nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính.

b) Thuế giá trị gia tăng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm.

c) Thuế giá trị gia tăng của hoạt động kinh doanh xây dựng (bao gồm cả xây dựng đường giao thông, đường dây tải điện, đường ống dẫn nước, đường ống dẫn dầu, đường ống dẫn khí) tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính nhưng không thành lập đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại địa bàn cấp tỉnh đó mà giá trị công trình xây dựng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng dưới 1 tỷ đồng.

d) Thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Người nộp thuế phải xác định riêng số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động được hưởng ưu đãi với cơ quan thuế quản lý nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh và không được tính phân bổ cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác của người nộp thuế.

đ) Thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của người nộp thuế là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

e) Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ (trừ lợi nhuận sau thuế của hoạt động xổ số điện toán).

9. Người nộp thuế bị cơ quan thuế ấn định số tiền thuế phải nộp trong các trường hợp sau:

- Không đăng ký thuế theo quy định tại Điều 33 Luật Quản lý thuế.

- Không khai thuế hoặc kê khai thuế không đầy đủ, trung thực, chính xác theo quy định tại Điều 42 Luật Quản lý thuế.

- Không nộp bổ sung hồ sơ thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế hoặc đã bổ sung hồ sơ thuế nhưng không đầy đủ, trung thực, chính xác các căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp.

- Không phản ánh hoặc phản ánh không đầy đủ, trung thực, chính xác số liệu trên sổ kế toán để xác định nghĩa vụ thuế.

- Không xuất trình sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết liên quan đến việc xác định các yếu tố làm căn cứ tính thuế; xác định số tiền thuế phải nộp trong thời hạn quy định hoặc khi đã hết thời hạn kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế.

- Không chấp hành quyết định kiểm tra thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định, trừ trường hợp được hoãn thời gian kiểm tra theo quy định.

- Không chấp hành quyết định thanh tra thuế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký quyết định, trừ trường hợp được hoãn thời gian thanh tra theo quy định.

- Mua, bán, trao đổi và hạch toán giá trị hàng hóa, dịch vụ không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường.

- Mua, trao đổi hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn mà hàng hóa, dịch vụ là có thật theo xác định của cơ quan có chức năng điều tra, thanh tra, kiểm tra và đã được kê khai doanh thu, chi phí tính thuế.

- Có dấu hiệu bỏ trốn hoặc phát tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thuế.

- Thực hiện các giao dịch không đúng với bản chất kinh tế, không đúng thực tế phát sinh nhằm mục đích giảm nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

- Không tuân thủ quy định về nghĩa vụ kê khai, xác định giá giao dịch liên kết hoặc không cung cấp thông tin theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.

10. Mở rộng các trường hợp cơ quan thuế có quyền công khai thông tin người nộp thuế như: không nộp tờ khai thuế/ không nộp thuế trong vòng 90 ngày kể từ ngày đến hạn, không chấp hành các quyết định hành chính thuế – ví dụ như không nộp các khoản bị truy thu theo quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế qua thanh, kiểm tra.

Theo quy định tại Điều 29, cơ quan quản lý thuế công khai thông tin về người nộp thuế trong các trường hợp sau:

a) Trốn thuế, tiếp tay cho hành vi trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, vi phạm pháp luật về thuế rồi bỏ trốn khỏi trụ sở kinh doanh; phát hành, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

b) Không nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

c) Ngừng hoạt động, chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

d) Các hành vi vi phạm pháp luật về thuế của người nộp thuế làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ thuế của tổ chức, cá nhân khác.

đ) Không thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật như: từ chối không cung cấp thông tin tài liệu cho cơ quan quản lý thuế, không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra và các yêu cầu khác của cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

e) Chống, ngăn cản công chức thuế, công chức hải quan thi hành công vụ.

g) Quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước hoặc hết thời hạn chấp hành các quyết định hành chính về quản lý thuế mà người nộp thuế hoặc người bảo lãnh không tự nguyện chấp hành.

h) Cá nhân, tổ chức không chấp hành các quyết định hành chính về quản lý thuế mà có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn.

11. Quy định rõ hơn về các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh

Các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh bao gồm:

a) Cá nhân, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là doanh nghiệp thuộc trường hợp đang bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

b) Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

c) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài trước khi xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

d) Người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

12. Ngân hàng có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các doanh nghiệp nước ngoài có thực hiện các hoạt động thương mại điện tử và có thu nhập phát sinh từ Việt Nam.

Theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

Ngân hàng có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các doanh nghiệp nước ngoài có thực hiện các hoạt động thương mại điện tử và có thu nhập phát sinh từ Việt Nam.

Nghị định mở rộng việc áp dụng quy định nói trên đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và nêu rõ trách nhiệm khấu trừ nói trên sẽ được áp dụng đối với các giao dịch mà cá nhân ở Việt Nam mua hàng hóa và dịch vụ từ các nhà cung cấp nước ngoài hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và kinh doanh dựa trên nền tảng số ("nhà thầu nước ngoài hoạt động thương mại điện tử").

Về vấn đề này, ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải thực hiện khấu trừ:

- Hàng tháng khấu trừ và nộp thuế thay cho các nhà thầu nước ngoài hoạt động thương mại điện tử nếu các nhà thầu này không đăng ký nộp thuế tại Việt Nam.

- Tổng cục Thuế sẽ phối hợp với các cơ quan có liên quan khác để xác định danh tính và địa chỉ trang web của các nhà thầu nước ngoài hoạt động thương mại điện tử không đăng ký thuế tại Việt Nam và thông báo cho ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- Hàng tháng theo dõi các khoản thanh toán được chuyển cho nhà thầu nước ngoài hoạt động thương mại điện tử và cung cấp dữ liệu này cho Tổng cục Thuế nếu các cá nhân ở Việt Nam sử dụng các phương thức thanh toán mà theo đó việc khấu trừ không thể thực hiện được (ví dụ: thanh toán bằng thẻ tín dụng).

13. Ngân hàng phải cung cấp các thông tin sau đây cho cơ quan thuế:

- Thông tin tài khoản thanh toán của từng người nộp thuế: trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (tức ngày 5 tháng 3 năm 2021);

- Thông tin giao dịch được thực hiện thông qua các tài khoản trên: khi được yêu cầu bởi cơ quan thuế địa phương trong quá trình thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế hoặc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

14. Nghị định cũng giới thiệu về việc cấp mã số thuế 10 chữ số cho các tổ chức không có tư cách pháp nhân nhưng có trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam, quy định này được hiểu là bao gồm các nhà thầu nước ngoài hoạt động thương mại điện tử.

15. Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

- Người nộp thuế là đối tượng nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh có phát sinh giao dịch với các bên

có quan hệ liên kết được quyền đề nghị áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (sau đây gọi là APA).

- Việc áp dụng thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 42 Luật Quản lý thuế.

- Người nộp thuế có yêu cầu áp dụng APA nộp đơn đề nghị áp dụng APA chính thức theo Mẫu số 02/APA-CT tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này cùng 01 bộ Hồ sơ đề nghị áp dụng APA chính thức đến Tổng cục Thuế.

- Tổng cục Thuế tiếp nhận đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế và tiến hành thẩm định hồ sơ, trao đổi, đàm phán với người nộp thuế (trong trường hợp APA đơn phương) hoặc với cơ quan thuế đối tác và người nộp thuế (trong trường hợp APA song phương hoặc APA đa phương) về nội dung APA.

- Trên cơ sở kết quả thẩm định, trao đổi, đàm phán với người nộp thuế (trong trường hợp APA đơn phương) hoặc với cơ quan thuế đối tác và người nộp thuế (trong trường hợp APA song phương hoặc APA đa phương) về nội dung APA, Tổng cục Thuế xây dựng dự thảo APA và trình lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt, tiến hành ký kết APA.

- Đối với các thỏa thuận APA song phương, đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài, Bộ Tài chính lấy ý kiến Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến về việc ký kết APA theo thủ tục và trình tự ký kết Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định pháp luật về việc ký kết Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

16. Khoanh tiền thuế nợ, xoá nợ thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với một số đối tượng là nội dung mới được bổ sung tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Những quy định này được hướng dẫn cụ thể trong Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã sửa đổi, bổ sung các trường hợp được khoanh tiền thuế nợ, xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt. Để rõ ràng, minh bạch trong việc khoanh nợ, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP đã quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, thời gian, trình tự thủ tục đối với từng trường hợp cụ thể. Đồng thời, khi xem xét khoanh nợ, thủ trưởng cơ quan thuế phải ban hành quyết định khoanh tiền thuế nợ đối với các trường hợp đủ điều kiện.

Ngoài ra, để đảm bảo xóa nợ đúng đối tượng, Nghị định còn quy định cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh, chính quyền địa phương trong xoá nợ, hoàn trả cho Nhà nước khoản nợ đã được xóa trước khi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng nhận đăng ký DN. Theo đó, việc trao đổi thông tin về DN giữa cơ quan thuế và đăng ký kinh doanh được thực hiện bằng hình thức văn bản; trường hợp đủ điều kiện, thì trao đổi thông tin bằng phương thức điện tử. Về trình tự trao đổi thông tin, sau khi cơ quan thuế cung cấp các thông tin về người nộp thuế đã được xóa nợ, cơ quan đăng ký kinh

doanh sẽ phản hồi thông tin về đề nghị đăng ký thành lập DN, hộ kinh doanh,... của người đã được xóa nợ và nhận được thông tin về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đã được xóa nợ từ cơ quan thuế. Lưu ý là, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng nhận đăng ký DN cho các trường hợp đã được xóa nợ, nhưng chưa hoàn trả tiền thuế vào NSNN. Ngoài ra, đối với các trường hợp được xóa nợ do ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh có phạm vi rộng, để đảm bảo chính sách phù hợp với từng thời kỳ, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Chính phủ quy định về thủ tục, hồ sơ xóa nợ đối với nội dung này.

17. Một số nội dung về trách nhiệm trong quản lý thuế thương mại điện tử quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

*** Về nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan**

Theo Điều 26 của Nghị định 126/2020/NĐ-CP, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế. Cụ thể, Bộ Công Thương và cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có trách nhiệm cung cấp thông tin về chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh của Việt Nam và nước ngoài, chuyển khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, tình hình xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

Thông tin quản lý thị trường về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm và gian lận thương mại; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Đặc biệt, để quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, Bộ Công Thương phải có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động thương mại điện tử, nhượng quyền thương mại, nội dung thông tin giấy phép hoạt động thương mại điện tử, nhượng quyền thương mại, thông tin liên quan trong quản lý thuế đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại điện tử, nhượng quyền thương mại; thông tin về các hoạt động chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, cung cấp thông tin khác theo quy định tại Luật Quản lý thuế và pháp luật có liên quan.

Ngân hàng Nhà nước cũng phải có trách nhiệm phối hợp Bộ Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được Ngân hàng Nhà nước cấp phép trong việc kết nối, cung cấp thông tin với cơ quan quản lý thuế liên quan đến giao dịch qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân và phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế; phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan trong việc thiết lập cơ chế quản lý, giám sát các giao dịch thanh toán xuyên biên giới trong thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam; cung cấp thông tin về việc thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế đối với nhà cung cấp ở nước ngoài khi có giao

dịch thanh toán giữa nhà cung cấp ở nước ngoài với người mua hàng hóa, dịch vụ ở Việt Nam và cung cấp thông tin khác theo quy định tại Luật Quản lý thuế và pháp luật có liên quan.

***Về cung cấp thông tin liên hoạt động kinh doanh trên nền tảng số**

Cũng theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ internet, thông tin trên mạng, trò chơi điện tử trên mạng cung cấp nội dung thông tin giấy phép hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ internet, thông tin trên mạng, trò chơi điện tử trên mạng; cung cấp thông tin liên quan đối với hoạt động quảng cáo trên mạng; hoạt động mua bán sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin trên môi trường mạng, kinh doanh dựa trên nền tảng số; các dịch vụ khác trên mạng và cung cấp thông tin khác theo quy định tại Luật Quản lý thuế và pháp luật có liên quan.

Để quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, Điều 30 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP cũng quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Cụ thể, các ngân hàng thương mại có trách nhiệm cung cấp các thông tin về tài khoản thanh toán của người nộp thuế mở tại ngân hàng cho cơ quan quản lý thuế; thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam; trích tiền để nộp thuế từ tài khoản của người nộp thuế, phong tỏa tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế./.